

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 25/10/2019.
Về việc " T/c hợp đồng hợp tác
(hùn vốn) "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Doãn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Ngọc Thành
2. Ông Võ Hùng Em

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đục - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà
Đàm Thị Mỏl - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam
Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2018/TLST- DS ngày 19
tháng 12 năm 2018 về việc “ Tranh chấp hợp đồng hợp tác (hùn vốn) ”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-DS, ngày 03
tháng 10 năm 2019. Giữa:

- *Nguyên đơn:*

1. Huỳnh Văn H, sinh năm 1971;
2. Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trương Văn L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm
1993.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Vào ngày 20/4/2017 chúng tôi có thỏa thuận hùn vốn mua xe ô tô để chạy dịch vụ với Trương Văn L, vì chỗ quen thân nhau nên chỉ nói miệng với nhau chứ không làm hợp đồng gì hết. Trong lúc bàn bạc chúng tôi cùng thỏa thuận sẽ để cho con trai tôi tên Huỳnh Thanh T đứng tên chủ quyền xe và chúng tôi chỉ bỏ ra số tiền hùn vốn là 500.000.000đ mà thôi, sau đó xe hoạt động có hiệu quả sẽ trả dần số tiền mua xe (vì mua xe trả góp) nên chúng tôi đồng ý. Chúng tôi đi vay ngân hàng khoảng mười ngày sau chúng tôi đưa cho L số tiền 500.000.000đ, đưa ba lần: lần đầu 400.000.000đ, cách bảy ngày sau đưa 30.000.000đ và cách hai ngày sau đưa 70.000.000đ. Khi đưa tiền chúng tôi có yêu cầu L làm biên nhận nhưng L nói lấy tiền đi đặt cọc xe mà làm biên nhận gì. Vì tin tưởng nhau nên chúng tôi đồng ý, hơn nữa con trai tôi đứng tên nên chúng tôi rất yên tâm. Sau đó khoảng mười ngày L đem về hai chiếc xe bảy chỗ hiệu INOWA, tổng số tiền là 1.700.000.000đ. Sau khi đem về chúng tôi mở tiệc ăn mừng khai trương và xe để tại nhà tôi, lấy dịch vụ là “Sáu H”. Xe hoạt động khoảng hơn một tháng hiệu quả rất cao, L đề nghị chúng tôi đưa thêm 1.000.000.000đ để mua thêm xe 16 chỗ, chúng tôi đồng ý và đề nghị L đưa giấy xe để đi vay ngân hàng thì phát hiện tên chủ quyền xe không phải là con tôi mà là tên Trương Ngọc L chị ruột của L. Từ đó chúng tôi phát hiện mình bị lừa nên yêu cầu L trả lại số tiền mà chúng tôi đã đưa là 500.000.000đ.

Số tiền chạy dịch vụ khoảng một tháng chúng tôi sử dụng vào việc làm mái che để xe, gắn máy lạnh ... nên không còn. Hôm nay chúng tôi yêu cầu hủy hợp đồng hùn vốn giữa vợ chồng tôi với Trương Văn L, yêu cầu L có trách nhiệm trả lại số tiền gốc mà L nhận của tôi là 500.000.000đ. Vào ngày 03/10/2018 chúng tôi có nhận số tiền do vợ L là Nguyễn Thị Huyền T đưa tại Công An huyện T 30.000.000đ để trả lãi của số tiền trên tiếp chúng tôi. Lý do chúng tôi có gửi đơn yêu cầu Công an giải quyết hành vi lừa đảo của L, cô T thừa nhận L có nhận số tiền trên của chúng tôi và chúng tôi đồng ý làm đơn bãi nại đối với hành vi trên của L.

- Bị đơn ông Trương Văn L trình bày:

Vào khoảng năm 2017 tôi có đến nhà ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H để bàn tính về việc hùn vốn mua xe chạy dịch vụ, nội dung: mỗi bên bỏ ra 500.000.000đ để mua hai chiếc xe loại bảy chỗ. Hai bên thống nhất để ông H, bà H đứng tên, còn tôi đứng tên dịch vụ xe nhưng ông H, bà H không đồng ý ông bà đòi đứng tên luôn, tôi không chịu nên không bàn tiếp. Việc ông H, bà H cho rằng tôi có nhận của ông bà số tiền 500.000.000đ là không đúng, vì việc bàn bạc hùn vốn mua xe không thành nên tôi không nhận tiền gì của ông bà hết. Hôm nay ông H, bà H yêu cầu

tôi trả lại số tiền 500.000.000đ tôi không đồng ý trả theo yêu cầu của ông bà, tôi yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đối với số tiền 30.000.000đ vợ tôi là Nguyễn Thị Huyền T đưa cho ông H với lý do: vợ tôi nghĩ là do tôi thiếu tiền vợ chồng ông H trong thời gian tôi chấp hành án nên vợ tôi mới đưa chứ vợ tôi không biết gì về việc này hết. Hôm nay tôi yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:*

Trong thời gian chồng tôi (L) chấp hành án, vợ chồng ông H buộc tôi phải đưa số tiền 30.000.000đ để được bãi nại, vì sợ chồng tôi bị ở tù nên tôi mới đưa, chứ tôi không biết gì về việc này. Hôm nay tôi yêu cầu ông H, bà H trả lại tôi số tiền trên, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Cẩm H đối với ông Trương Văn L. Buộc ông Trương Văn L có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận cho ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H là 500.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:*

Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác hùn vốn mua xe đối với ông Trương Văn L. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 và 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn L phải trả lại số tiền hùn mua xe là 500.000.000đ, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu anh Trương Văn L phải trả lại số tiền hùn vốn mua xe ô tô là 500.000.000đ.

[1]. Xét yêu cầu đòi lại số tiền hùn vốn của vợ chồng ông H là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì; tại văn bản ghi ý kiến ngày 28/12/2018 và tại phiên tòa, ông L cũng thừa nhận trước đây ông có yêu cầu vợ chồng ông H bỏ ra 500.000.000đ để cùng với ông hùn mua xe ô tô (loại 7 chỗ ngồi) để chạy dịch vụ, qua làm việc với những người làm chứng, thể hiện ông L có đến nhà của ông H và vợ chồng ông H có đưa cho ông L một khoản tiền. Hơn nữa sau khi mua xe về (2 chiếc xe nhãn hiệu INOVA) ông H có tổ chức tiệc ăn mừng (mua xe mới) tại nhà và có mời một số người quen đến dự đều trình bày; vợ chồng ông H mời đến dự tiệc, trong quá trình dự tiệc thấy có 02 chiếc xe (loại 7 chỗ). Sau khi mua xe về, ông L và ông H có xây cất chỗ để hai chiếc xe tại nhà của ông H, sau đó ông L có đặt in danh thiếp để quảng bá dịch vụ. Qua xem xét danh thiếp do ông L đặt in có nội dung như sau: Dịch vụ du lịch Sáu H (tên ông H), cho thuê xe du lịch 7 chỗ. Số điện thoại 0986322262 (số điện thoại ông H); 01698382596 (số điện thoại bà H) và số 0917222722 (số điện thoại anh T, con bà H và ông H). Mặt khác, sau khi ông L bị bắt tại Công an huyện T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vợ chồng ông H có khởi kiện ông L về việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền trên của ông, bà. Trong quá trình Công an huyện T thụ lý giải quyết đơn thưa của vợ chồng ông H, vào ngày 03/10/2018 bà T (vợ ông L) có thỏa thuận với vợ chồng ông H đối với số tiền trên. Tại biên bản thỏa thuận ngày 03/10/2018 của Công an huyện T thể hiện ý kiến trình bày của vợ chồng ông H như sau: *Ngày 19/5/2017 có đưa cho ông L số tiền 400.000.000đ để hùn mua 2 xe ô tô loại 7 chỗ ngồi để chạy dịch vụ, sau khi ông L đem 2 chiếc xe về, ngày 16/6/2017, ông L yêu cầu vợ chồng ông đưa thêm 70.000.000đ để đi kiểm định xe, tiếp đến ngày 20/6/2017 ông L yêu cầu vợ chồng ông đưa thêm 30.000.000đ nữa cho chẵn số tiền hùn vốn là 500.000.000đ.*

Ý kiến trình bày của bà T như sau: *Tôi đại diện cho chồng tôi là Trương Văn L trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Cẩm H và Huỳnh Văn H số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), vì anh L có thiếu tiền bà H và ông H. Lúc nào anh L ra tù thì đi làm có tiền trả cho ông H và bà H sau.*

Cũng trong ngày 03/10/2018, bà T có đưa cho vợ chồng ông H số tiền 30.000.000đ để tiếp đóng lãi với ông H, theo biên bản thỏa thuận ngày 03/10/2018 của Công an huyện T, tại biên nhận tiền ngày 03/10/2018 bà H có ghi “*nay tôi có nhận tiền 30.000.000đ (ba chục triệu đồng chẵn) của chị Nguyễn Thị Huyền T là vợ của Trương Văn L, đại diện ra trả tiền lãi của Trương Văn L mượn tiền của tôi vào ngày*

19/5/2017”. Biên nhận này bà T có ký tên vào bên giao, sau khi lập biên nhận trên xong, bà H giao cho bà T giữ. Kể từ khi bà T lập biên bản thỏa thuận giải quyết ngày 03/10/2018 tại Công an huyện T và bà T trả cho bà H 30.000.000đ theo tờ thỏa thuận trên cho đến nay, ông L và bà T không ai có ý kiến hay khiếu nại gì đối với biên bản trên. Từ những chứng cứ trên, có căn cứ xác định vợ chồng ông H có đưa cho ông L số tiền 500.000.000đ để hùn mua xe ô tô chạy dịch vụ chung. Do đó, nghĩ nên buộc ông L có trách nhiệm trả lại số tiền 500.000.000đ cho vợ chồng ông H là phù hợp.

Đối với số tiền 30.000.000đ Tòa án có thông báo cho bà Nguyễn Thị Huyền T biết nhưng bà không có ý kiến (Thông báo ngày 16/8/2019) nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu bà có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L yêu cầu ông H, bà H trả lại hai cái máy lạnh mà ông đã gắn tại nhà ông H. Tại phiên tòa hôm nay ông H, bà H đồng ý trả nhưng ông L, ông H và bà H cùng thỏa thuận sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác, không giải quyết chung với vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Do yêu cầu của ông H và bà H được chấp nhận, nên ông L phải chịu án phí theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 504, 505, 510 và Điều 512 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H đối với ông Trương Văn L.

2/ Buộc ông Trương Văn L có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền hùn mua xe chạy dịch vụ là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/. Về án phí:

- Ông Trương Văn L phải nộp 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Cẩm H được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005653 ngày 19/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Án xử công khai có mặt các nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự có mặt được biết, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu HS DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

